

Danh sách nhóm 5

1. Trần Thị Ngoãn (nhóm trưởng)
2. Mai Văn Chiến
3. Lô Thị Cải
4. Mougmixay Anousith
5. Nikone Bouloutmixay
6. Anousone Norkeo

Đề tài:

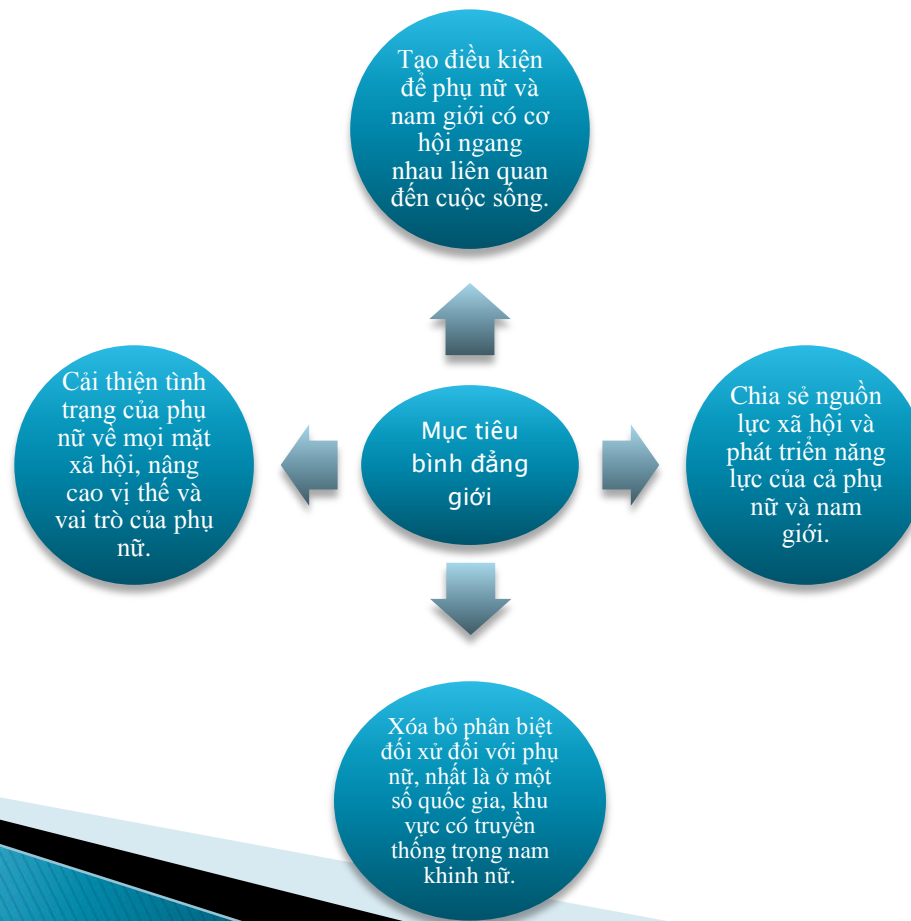
Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá về vấn đề bình đẳng giới trong chính sách xã hội (khái niệm bình đẳng giới, các tiêu chí đo lường, mức độ bình đẳng giới trong chính sách xã hội của các tác giả quốc tế, nguồn, tiêu chí nào tự xây dựng, vì sao?)

I. Tổng quan về giới, bình đẳng giới

Điều 4. Luật Bình đẳng giới ở Việt Nam 2006 quy định

“Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.”

Mục tiêu chung trên thế giới về bình đẳng giới:



Tổng quan về giới, bình đẳng giới



Tổng quan về giới, bình đẳng giới

Nguồn tham khảo: các tổ chức (UNDP, UNFPA, FAO, ILO...) và tác giả nghiên cứu về bình đẳng giới đưa ra các khái niệm khác nhau, tuy nhiên tựu chung lại chúng ta có thể hiểu các khái niệm đó như sau

1. Giới tính (sex)

Là sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam giới và phụ nữ, là các đặc điểm đồng nhất mà khi chúng ta sinh ra đã có.

2. Giới (gender)

Giới là một phạm trù chỉ mối quan hệ về kinh tế, xã hội, văn hóa, cơ hội đối với nam và nữ. Giới không chỉ đơn thuần là sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ mà giới còn là mối quan hệ và vai trò của nam và nữ, trong gia đình, nơi làm việc hay cộng đồng.

3. Vai trò giới (gender roles)

là những hành vi, nhiệm vụ và trách nhiệm mà xã hội cân nhắc chấp nhận được và mong đợi đối với nam giới và phụ nữ.

4. Quan hệ giới (gender relation)

Là mối quan hệ giữa nam giới và phụ nữ, trên cơ sở công nhận đặc trưng của nam giới và phụ nữ, từ đó xã hội xác định quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của nam giới và phụ nữ.

Các khái niệm liên quan đến bình đẳng giới

6. *Phân biệt đối xử về giới* là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình

7. Phân tích giới (gender analysis)

Là phương pháp thu thập và xử lý thông tin về bình đẳng giới, phân tích giới được tiến hành thông qua các công cụ đa dạng và lý thuyết đã được nghiên cứu.

8. *Lồng ghép giới (gender mainstreaming)*

khái niệm được đưa ra đầu tiên bởi Liên hiệp quốc tại Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ.

Là sự hợp lại thành một thể thống nhất các vấn đề giới trong tất cả các chính sách với tinh thần xúc tiến bình đẳng giữa nam và nữ. Lồng ghép giới tức coi vấn đề giới là cơ sở và mục tiêu trong tất cả các khâu nghiên cứu, xây dựng chính sách, phân bổ nguồn lực và lập kế hoạch, thực hiện và giám sát các chính sách, chương trình, dự án.

9. *Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới* là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất.

Phân biệt công bằng giới và bình đẳng giới

Công bằng giới (Gender equity)

- Là công nhận và tôn trọng các đặc điểm khác nhau của phụ nữ và nam giới: các đặc điểm thuộc về giới tính, nhu cầu, năng lực, vai trò giới, quan hệ giới.
- là việc thừa nhận có tính pháp lý, đối xử ngang bằng về quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và phân phối lợi ích.
- Công bằng là phương tiện, cách thức và thúc đẩy bình đẳng giới.

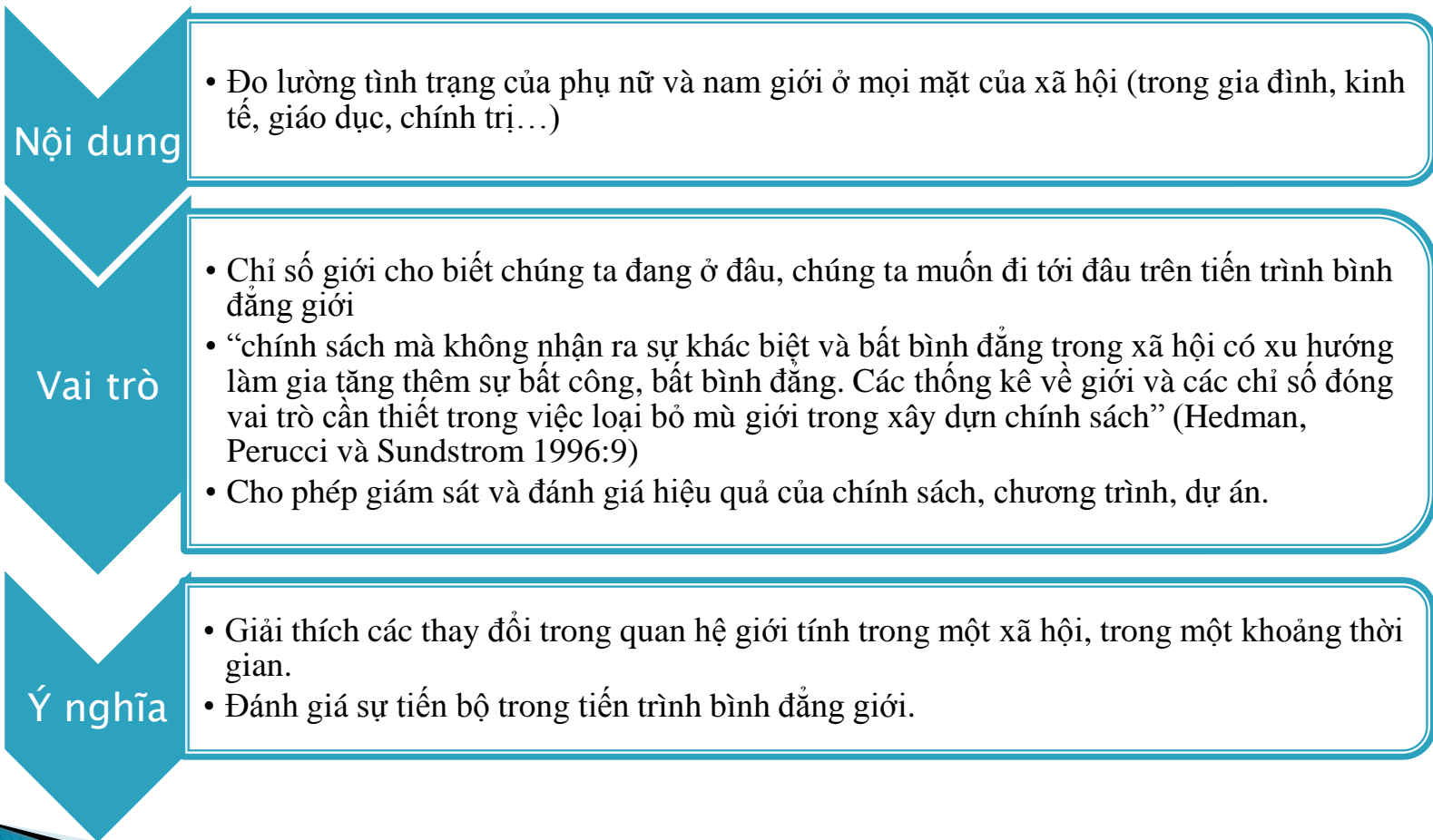
Bình đẳng giới (Gender equality)

- Là không có sự phân biệt đối giữa phụ nữ và nam giới. Nam và nữ cùng có vị thế bình đẳng và được tôn trọng như nhau
- – Có điều kiện bình đẳng về cơ hội để phát huy vai trò và năng lực
 - Bình đẳng trong việc tham gia, đóng góp, thụ hưởng các nguồn lực và lợi ích xã hội.
- – Được hưởng tự do và chất lượng cuộc sống như nhau

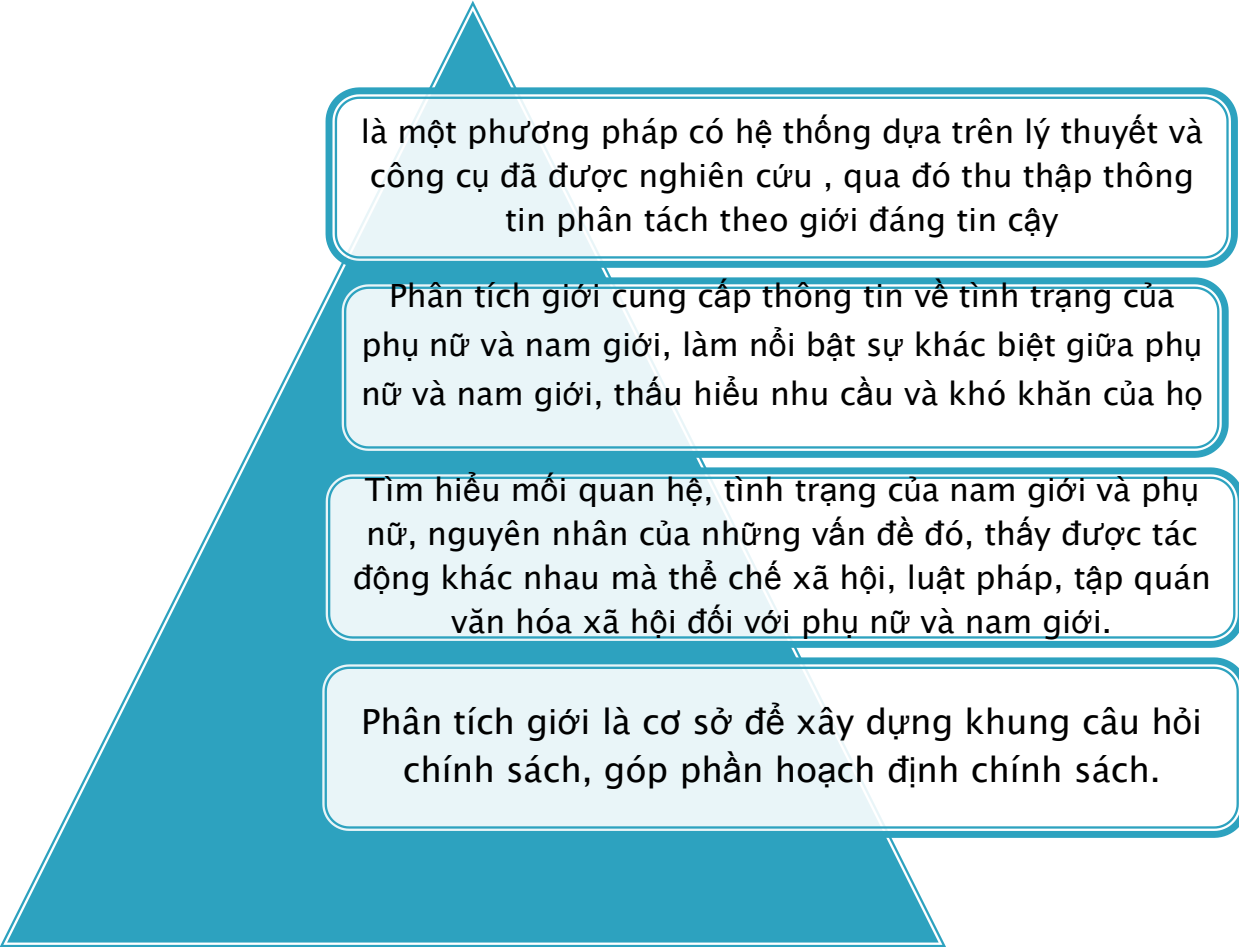
II. Sơ lược tiến trình xây dựng và phát triển các chỉ số bình đẳng giới trên thế giới

(Nguồn: <http://www.adelaide.edu.au/wiser/gio/genderindicators/>)

1. Mối liên hệ giữa các chỉ số bình đẳng giới và vấn đề bình đẳng giới



3. Giới thiệu về phân tích giới (gender analysis)



là một phương pháp có hệ thống dựa trên lý thuyết và công cụ đã được nghiên cứu , qua đó thu thập thông tin phân tách theo giới đáng tin cậy

Phân tích giới cung cấp thông tin về tình trạng của phụ nữ và nam giới, làm nổi bật sự khác biệt giữa phụ nữ và nam giới, thấu hiểu nhu cầu và khó khăn của họ

Tìm hiểu mối quan hệ, tình trạng của nam giới và phụ nữ, nguyên nhân của những vấn đề đó, thấy được tác động khác nhau mà thể chế xã hội, luật pháp, tập quán văn hóa xã hội đối với phụ nữ và nam giới.

Phân tích giới là cơ sở để xây dựng khung câu hỏi chính sách, góp phần hoạch định chính sách.

Lồng ghép giới (gender mainstreaming)

- ▶ Năm 1995, Liên hiệp quốc đã thông qua khái niệm lồng ghép giới tại Hội nghị phụ nữ thế giới lần thứ 4. Lồng ghép giới được coi như một chiến lược để thúc đẩy bình đẳng giới.
- ▶ Lồng ghép giới nghĩa là đảm bảo rằng các quan điểm về giới, bình đẳng giới, mục tiêu bình đẳng giới là trung tâm và xuyên suốt tất cả các hoạt động bao gồm từ việc nghiên cứu, vận động chính sách, phân bổ nguồn lực và lập kế hoạch, thực hiện và giám sát chương trình và dự án.

Hoạt động của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực bình đẳng giới

Liên Hiệp Quốc đã phát triển một Chương trình thống kê Giới Tính

Liên Hiệp Quốc thống kê Division (UNSD) đã phát triển một *Sổ tay cho Báo cáo sản xuất thống kê quốc gia về Phụ nữ và nam giới (1997)*.

Liên Hiệp Quốc thống kê Division (UNSD) cũng xuất bản *Phụ nữ thế giới 2000: Xu hướng và thống kê*

Quỹ Phát triển Liên Hiệp Quốc cho Phụ nữ (UNIFEM) đã xuất bản Tiến bộ của phụ nữ thế giới 2000, nhằm thúc đẩy chiến lược lồng ghép giới

Tổ chức Nông lương (FAO) đã công bố ấn phẩm *Nhạy cảm giới Thống kê cho phát triển nông nghiệp*

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã tìm cách phát triển các chỉ số giới trong chương trình Y tế, Phụ nữ và Phát triển

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã công bố *chỉ số định tính và định lượng để giám sát và đánh giá của Chiến lược lồng ghép giới ILO*

III. Các chỉ số quan trọng đo lường bình đẳng giới được công nhận và áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới

1. Chỉ số bình đẳng giới GEI (Gender Equity Index)

- ▶ Chỉ số GEI là một chỉ số được tổ chức Social Watch (tổ chức phi chính phủ quốc tế về giám sát và thực hiện các vấn đề xã hội) xây dựng vào năm 2004 nhằm đo lường một cách chính xác mức độ bình đẳng giới trong ba lĩnh vực giáo dục, kinh tế và tham chính (quyền năng chính trị).
- ▶ Chỉ số GEI được xây dựng để có thể phân loại các quốc gia và xếp hạng chúng dựa trên các hạng mục về các chỉ số bất bình đẳng giới được lựa chọn sắp xếp vào 3 nhóm nội dung chính: giáo dục, kinh tế và tham chính
- ▶ Cách GEI được tính là một phản ứng với sự cần thiết phải phản ánh tất cả các tình huống bất lợi cho phụ nữ

Các tiêu chí để xây dựng chỉ số GEI

Giáo dục

- Tỷ lệ biết chữ
- Tỷ lệ tuyển sinh cấp tiểu học.
- Tỷ lệ tuyển sinh cấp trung học
- Tỷ lệ tuyển sinh cấp học chuyên nghiệp (cao đẳng, đại học...)

Kinh tế

- Tỷ lệ tham gia hoạt động kinh tế
- Thu nhập có thể lượng hóa được.

Tham chính

- Tỷ lệ % phụ nữ trong quốc hội.
- Tỷ lệ % phụ nữ làm trong các ngành trình độ cao.
- Tỷ lệ % phụ nữ giữ các vị trí điều hành chuyên môn các cấp
- Tỷ lệ % phụ nữ làm quản lý và các vị trí trong chính phủ.

Ngày 8/3/2012, Social Watch đã công bố chỉ số GEI các nước năm 2012

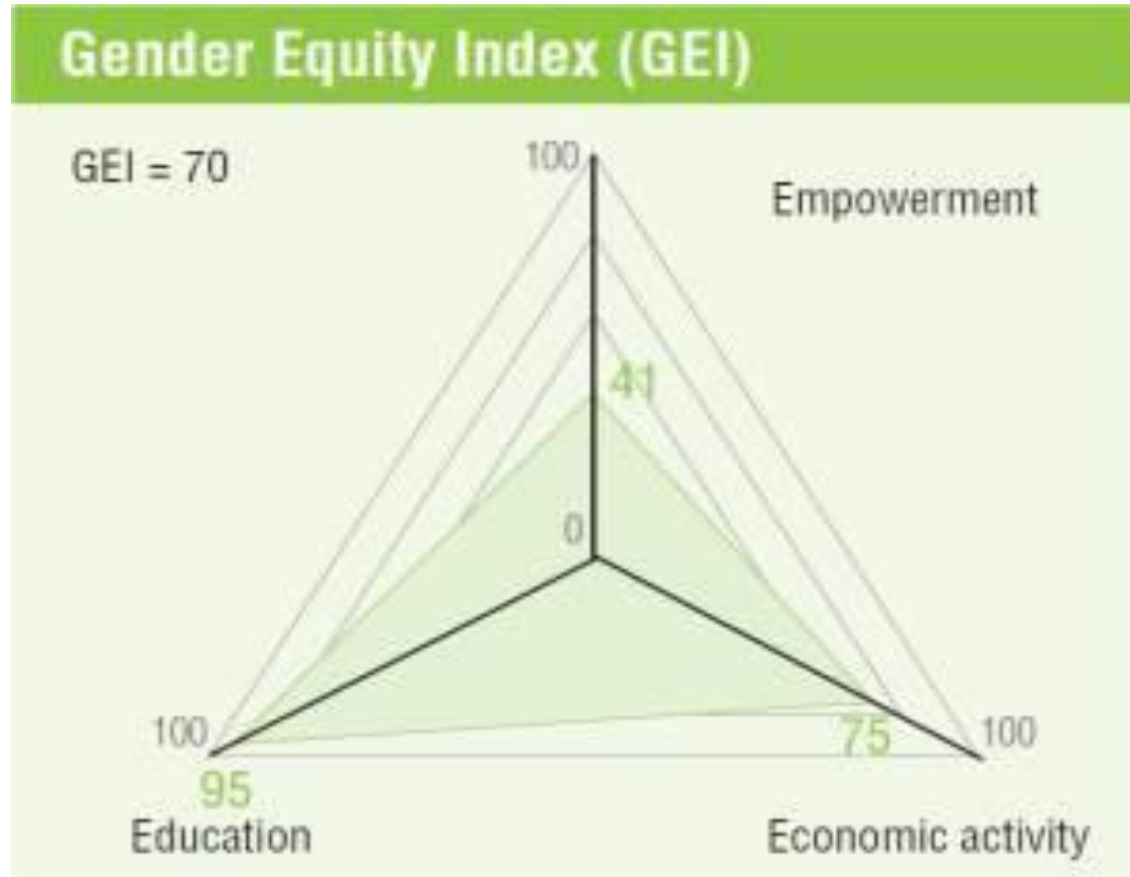
*Theo nhận định của Social Watch, không nước nào trong số 154 quốc gia được nghiên cứu thu hẹp được khoảng cách giới đến một mức độ **chấp nhận được***

Năm mức độ chỉ số đo khoảng cách về giới là: “nghiêm trọng” (critical), “rất thấp” (very low), “thấp” (low), “trung bình”(medium) và “chấp nhận được”(acceptable). GEI năm 2012 đã tính được chỉ số chung cho cả thế giới với giáo dục là 71 – mức *thấp*, tham gia kinh tế đạt 42 – mức *rất thấp*, và tạo quyền năng cho phụ nữ chỉ đạt 17 – mức *nghiêm trọng*. Không có quốc gia nào trên thế giới đã đạt từ 90 điểm GEI trở lên, có nghĩa rằng không một quốc gia nào đạt mức *chấp nhận được*

Các quốc gia như Mông Cổ (81), Rwanda (77), Philippines (76) và Nicaragua (74) đã đạt đến mức tương đối cao về bình đẳng giới, ngay cả khi nhiều phụ nữ và nam giới vẫn sống trong nghèo đói. Mặt khác, các nước có thu nhập cao như Nhật Bản (57), Thổ Nhĩ Kỳ và Saudi Arabia (37) vẫn thấy những khoảng cách lớn giữa hai giới.

Trong số 154 quốc gia được đo lường, những nước đạt được điểm số tốt hơn là Na Uy (89), Phần Lan (88), Iceland, Thụy Điển (đều 87), Đan Mạch (84), New Zealand (82), và Mông Cổ và Tây Ban Nha (đều 81), tất cả đều thuộc mức GEI “trung bình

Việt Nam có chỉ số trung bình là 70 điểm cùng với Ý, Madagascar và Armenia. Các chỉ số của Việt Nam cho giáo dục là 95, tham gia kinh tế là 75 và tạo quyền năng cho phụ nữ chỉ đạt 41 điểm



- ▶ Theo thống kê của Social Watch, ô-t-xtrây-li-a, Phần Lan, Ai-xơ-len, Na Uy và Thụy Điển là những nước có chỉ số bình đẳng giới cao nhất
- ▶ Đứng thứ hai là các nước châu Âu khác và các nước vùng Caribê
- ▶ Châu á có điển hình là Mông Cổ và Phi-líp-pin
- ▶ Các nước ở khu vực Trung Đông, Bắc Phi, Nam á và tiểu vùng Sahara có chỉ số GEI trung bình
- ▶ Những nước có chỉ số bình đẳng giới thấp nhất phần lớn là những nước nghèo như Yemen, Pakistan, Cốt-di-voa, Togo, Ai Cập, Ấn Độ, Nepal, Thổ Nhĩ Kỳ, Guatemala, Syria, Angiêri, A-rập Xê-út, Libăng và Sudan.
- ▶ Tuy nhiên, không hẳn những nước giàu hơn thì có GEI cao hơn. Ví dụ Trung Quốc chỉ có thu nhập bằng 1/5 của A-rập-xê-ut và bằng một nửa Tây Ban Nha nhưng lại có GEI cao hơn 2 nước này rất nhiều.
- ▶ GEI đã đưa ra một cách tính mới và một cách nhìn nhận mới về bình đẳng giới.
- ▶ Dù mới được công bố song hiện nay GEI đã được áp dụng rộng rãi tại hơn 150 quốc gia và khu vực,
- ▶ Một kết luận quan trọng mà GEI đem đến cho chúng ta là không có mối liên hệ trực tiếp nào giữa mức độ bình đẳng giới và sự giàu có của một quốc gia. Do vậy nâng cao thu nhập không phải là cách duy nhất để xóa bỏ bất bình đẳng giới như nhiều người vẫn lầm tưởng.

2. Chỉ số phát triển con người liên quan đến giới GDI (Gender related development index)

- ▶ Chỉ số phát triển con người liên quan đến giới GDI được Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đưa ra năm 1995
- ▶ GDI không phải là một chỉ số về thành tựu của phụ nữ, nhưng nó góp phần phản ánh sự bất bình đẳng trong tổng thể của một quốc gia. GDI cũng gợi ý chỉ ra rằng bất bình đẳng giới không phải là một vấn đề không ưa thích, không mong muốn mà bất bình đẳng giới còn ảnh hưởng tới sự phát triển tổng thể của một quốc gia.

Các lý thuyết và nguồn gốc của GDI

- ▶ Nền tảng lý thuyết cho GDI được đưa ra bởi Anand và Sen (1995)
- ▶ GDI là một chỉ số được tính toán điều chỉnh dựa trên chỉ số được biết đến rộng rãi là HDI. Vì chỉ số HDI phản ánh sự khác biệt giữa các quốc gia với nhau nhưng nó lại ngầm định rằng tất cả công dân của quốc gia đó đã đạt được mức độ bình quân như nhau ở cả 3 nhân tố tuổi thọ, giáo dục và thu nhập, thực tế là nó bỏ qua sự phân biệt giữa các nhóm người, khác biệt về giới trong các thang đo (không phải mọi cá nhân của quốc gia đó đều có được mức độ như nhau) mà tồn tại sự không ngang hàng giữa nam và nữ trong từng chỉ số đã được HDI đo lường. GDI thường thấp hơn HDI phụ thuộc vào độ lớn của khoảng cách giới trong từng nhân tố cấu thành.
- ▶ GDI cũng bao gồm 3 thành tố giống với HDI: tuổi thọ, giáo dục và thu nhập.

- + Trong thành tố tuổi thọ, phụ nữ thường được giả định rằng có tuổi thọ trung bình cao hơn nam giới là 5 tuổi
- + Trong thành tố tỷ lệ tuyển sinh các cấp học, phụ nữ và nam giới được giả định có số điểm tiềm năng như nhau (100% tỷ lệ tuyển sinh), có nghĩa là bất cứ sự khác biệt nào về khoảng cách trong tỷ lệ tuyển sinh giữa nam và nữ cũng chỉ tối đa là 100%.
- + Trong thành tố chỉ số thu nhập, tỷ trọng thu nhập của nam giới hay phụ nữ được tính bằng tỷ lệ thu nhập của nam (nữ) chia cho tỷ lệ của nam (nữ) trong dân số. Ví dụ nếu phụ nữ sở hữu 20% thu nhập và chiếm 50% dân số, thì tỷ trọng thu nhập của họ là 0.4, trong khi tỷ trọng thu nhập của nam là 1.6 ($(1-20\%)/50\%$)

Ba bước tính GDI

▶ **Bước 1: Tính chỉ số độ đo của nam giới và phụ nữ**

Chỉ số độ đo phụ nữ và nam giới ở từng độ tuổi được tính bằng công thức sau:

Chỉ số độ đo = (giá trị thực - giá trị cực tiểu) / (giá trị cực đại - giá trị cực tiểu)

▶ **Bước 2: Tính chỉ số phân bổ đều**

Chỉ số phân bổ đều là chỉ số phụ nữ và nam giới ở từng độ đo được kết hợp để làm sao phạt được những khác biệt về thành tựu giữa phụ nữ và nam giới.

- ▶ Chỉ số phân bổ đều: $e_{dea} = (\text{tỷ trọng dân số là nữ}) * (\text{chỉ số độ đo của nữ})^{1-\varepsilon} + (\text{tỷ trọng dân số là nam}) * (\text{chỉ số độ đo của nam})^{1-\varepsilon}$
- ▶ ε : *Đo sự ngăn chặn bất bình đẳng.* Trong GDI, người ta quy ước chọn $\varepsilon = 2$ khi tính GDI. Giá trị ε là mức phạt về bất bình đẳng giới. Giá trị này càng lớn thì xã hội đó càng bị phạt nhiều vì dễ bất bình đẳng
- ▶ Nếu $\varepsilon = 0$ thì bất bình đẳng không bị trừng phạt (trường hợp này GDI bằng HDI). ε càng tăng thì càng cho nhiều trọng số đối với nhóm đạt được thành tựu thấp hơn. Giá trị $\varepsilon = 2$ được sử dụng để tính GDI cũng như GEM thể hiện giá trị mức phạt trung bình đối với bất bình đẳng giới

Bước 3. Tính GDI

- ▶ Tính GDI bằng cách kết hợp 3 chỉ số phân bổ đồng đều lại thành số bình quân không trọng số
- ▶ Mốc để tính GDI

<u>Tiêu chí</u>	<u>Giá trị cực đại</u>	<u>Giá trị cực tiểu</u>
<u>Tuổi thọ phụ nữ (tuổi)</u>	<u>87.5</u>	<u>27.5</u>
<u>Tuổi thọ nam giới (tuổi)</u>	<u>82.5</u>	<u>22.5</u>
<u>Tỷ lệ biết chữ ở người lớn (100%)</u>	<u>100</u>	<u>0</u>
<u>Tỷ lệ đi học kết hợp các cấp (%)</u>	<u>100</u>	<u>0</u>
<u>Thu nhập kiếm được ước tính (PPP USD)</u>	<u>40000</u>	<u>100</u>

Ví dụ: Minh họa tính GDI theo số liệu của Bô-t-xo-na.

Bước 1: Tính chỉ số độ đo của nam giới và phụ nữ

❑ Chỉ số độ đo tuổi thọ

- Bước đầu tiên là tính riêng các chỉ số đối với thành tựu của phụ nữ và nam giới về tuổi thọ, sử dụng công thức chỉ số độ đo. Ở đây số liệu là tuổi thọ phụ nữ là 48.4, tuổi thọ nam giới là 47.6, tỉ trọng dân số nữ là 0.504, nam là 0.496
- Chỉ số tuổi thọ nữ = $(48.4 - 27.5) / (87.5 - 27.5) = 0.348$
- Chỉ số tuổi thọ nam = $(47.6 - 22.5) / (82.5 - 22.5) = 0.419$

❑ Tính chỉ số giáo dục

- Bảng số liệu:

Tiêu thức	Phụ nữ	Nam giới
Tỉ lệ biết chữ ở người lớn	81.8%	80.4%
Chỉ số biết chữ ở người lớn	0.818	0.804
Tổng tỉ lệ đi học các cấp	70.1%	69.0%
Chỉ số đi học	0.701	0.690

- Chỉ số cho phụ nữ và nam giới về tỉ lệ biết chữ ở người lớn và tổng tỉ lệ đi học kết hợp cả tiểu học, trung học và đại học. Tính các chỉ số này khá đơn giản vì các chỉ thị được sử dụng đã được làm chuẩn từ 0 đến 100

Tiếp theo, tính chỉ số giáo dục được tính riêng cho phụ nữ và nam giới, trong đó 2/3 trọng số là chỉ số biết chữ ở người lớn và 1/3 trọng số là chỉ số đi học

Chỉ số giáo dục = 2/3 (chỉ số biết chữ ở người lớn) + 1/3 (chỉ số đi học)

Chỉ số giáo dục phụ nữ = $2/3 * 0.818 + 1/3 * 0.701 = 0.779$

Chỉ số giáo dục nam giới = $2/3 * 0.804 + 1/3 * 0.690 = 0.766$

❑ Tính chỉ số thu nhập

Trước hết, thu nhập kiểm được của phụ nữ và nam giới (PPP USD) được ước tính. Sau đó chỉ số này được thu thập theo từng giới. Đối với HDI, thu nhập được điều chỉnh bằng cách lấy lôgarit của thu nhập kiểm được ước tính (PPP USD)

Chỉ số thu nhập = $((\log(\text{giá trị thực}) - \log(\text{giá trị cực tiểu})) / ((\log(\text{giá trị cực đại}) - \log(\text{giá trị cực tiểu})))$

Biết số liệu thu nhập kiểm được ước tính của phụ nữ và nam giới lần lượt là 5913, 19094.

Theo công thức trên, chỉ số thu nhập của phụ nữ và nam giới lần lượt là: 0.681 và 0.877

Bước 2: tính chỉ số phân bổ đồng đều.

❖ Tính chỉ số tuổi thọ phân bổ đều

Chỉ số tuổi thọ phân bổ đều = $0,504.0,348^{(1-2)} + 0,496.0,419^{(1-2)} = 0.380$

❖ Tính chỉ số giáo dục phân bổ đều

Chỉ số giáo dục phụ nữ và nam giới kết hợp lại thành chỉ số giáo dục phân bổ đều, biết tỉ trọng phụ nữ và nam giới lần lượt là 0.504, 0.496

- Chỉ số giáo dục phân bổ đều = $0.504*0.779^{-1} + 0.496*0.766^{-1} = 0.773$

❑ Tính chỉ số thu nhập phân bổ đều

Chỉ số thu nhập phân bổ đều tính theo công thức chỉ số phân bổ đều ta được 0.766

Bước 3. Tính GDI

$$GDI = (0.380 + 0.773 + 0.766) / 3 = 0.639$$

So sánh giá trị và xếp hạng theo HDI và GDI một số nước 2001

Tên nước	HDI		GDI	
	Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng
Na uy	0.939	1	0.937	1
Singapore	0.884	28	0.880	28
Lucsembua	0.924	12	0.907	19
UEA	0.740	68	0.719	75
Thái Lan	0.768	74	0.766	61
Việt Nam	0.733	105	0.732	89

Nguồn: Báo cáo phát triển con người hàng năm của UNDP năm 2001.

**Chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số phát triển giới (GDI) của
Việt Nam và xếp hạng (1997-2006)**

Nguồn: UNDP. Báo cáo phát triển con người 1997-2007/2008

<u>Năm báo cáo</u>	<u>HDI</u>	<u>Xếp hạng HDI/quốc gia</u>	<u>GDI</u>	<u>Xếp hạng GDI/quốc gia</u>
<u>1997</u>	<u>0.664</u>	<u>110/174</u>	<u>0.662</u>	<u>91/143</u>
<u>1998</u>	<u>0.671</u>	<u>108/174</u>	<u>0.668</u>	<u>89/143</u>
<u>1999</u>	<u>0.682</u>	<u>101/162</u>	<u>0.680</u>	<u>89/146</u>
<u>2000</u>	<u>0.688</u>	<u>109/173</u>	<u>0.687</u>	<u>89/146</u>
<u>2001</u>	<u>0.687</u>	<u>109/175</u>	<u>0.697</u>	<u>89/144</u>
<u>2002</u>	<u>0.691</u>	<u>112/177</u>	<u>0.689</u>	<u>87/144</u>
<u>2003</u>	<u>0.704</u>	<u>108/177</u>	<u>0.702</u>	<u>83/144</u>
<u>2004</u>	<u>0.709</u>	<u>109/177</u>	<u>0.708</u>	<u>80/136</u>
<u>2005/2006</u>	<u>0.733</u>	<u>105/177</u>	<u>0.732</u>	<u>91/177</u>

3. Chỉ số đo lường vị thế giới GEM (Gender Empowerment Measure)

- ❖ GEM là chỉ số đánh giá năng lực kinh tế và quyền năng chính trị của phụ nữ. Điều nó phản ánh không phải là những gì đạt được trong phúc lợi của phụ nữ mà là vai trò và tiếng nói của phụ nữ trong xã hội
- ❖ Chỉ số này tập trung đo lường dựa trên các tiêu chí được phân vào 3 nhóm chính như sau:
 - ▶ *Sự tham gia chính trị và quyền quyết định:* Được đo bằng sự chia sẻ số ghế trong quốc hội, hay tỉ lệ nữ và nam trong quốc hội.
 - ▶ *Sự tham gia kinh tế và quyền quyết định:* Đo bằng các tỉ lệ phần trăm phụ nữ và nam giới nắm giữ các chức vụ như nhà lập pháp, cán bộ cao cấp và quản lý, tỉ lệ phần trăm phụ nữ và nam giới nắm giữ các chức vụ chuyên môn kỹ thuật.
 - ▶ *Quyền đối với các nguồn lực kinh tế:* Đo bằng thu nhập kiểm được ước tính của phụ nữ và nam giới (PPP USD)

- ▶ Tỷ lệ phần trăm tương đương phân bổ đều EDEP được tính cho từng độ đo trọng số này theo công thức chung tương tự trung bình trọng số theo dân số:
- ▶ $EDEP = [\text{tỉ trọng dân số là nữ} * (\text{chỉ số phụ nữ}^{1-\varepsilon}) + (\text{tỉ trọng dân số nam} * (\text{chỉ số nam giới}^{1-\varepsilon}))]^{1/1-\varepsilon}$
- ▶ ε đo sự ngăn chặn bất bình đẳng. Trong GEM (tương tự như GDI), $\varepsilon = 2$, mức phạt trung bình đối với bất bình đẳng.
- ▶ Như vậy, công thức chung sẽ là :
- ▶ $EDEP = [\text{tỉ trọng dân số nữ} * (\text{chỉ số phụ nữ}^{-1}) + \text{tỉ trọng dân số nam} * (\text{chỉ số nam giới}^{-1})]^{-1}$
- ❖ Đối với sự tham gia chính trị và kinh tế và quyền quyết định, EDEP sau đó được tính bằng cách chia cho 50

□ Ví dụ minh họa tính GEM theo số liệu của Liên bang Nga

❖ 1. Tính EDEP về đại diện trong quốc hội

- ▶ EDEP về đại diện trong quốc hội đo lường sự trao quyền tương đối cho phụ nữ qua sự tham gia chính trị của họ. EDEP tính bằng cách lấy tỉ trọng dân số là nữ và nam và tỉ lệ phần trăm số đại biểu quốc hội của phụ nữ và nam giới theo công thức chung sau:

Biết tỉ trọng dân số nữ, nam lần lượt là 0.536 và 0.464, tỉ lệ đại biểu quốc hội tương ứng là 8% và 92%

- ▶ $EDEP \text{ đại diện trong quốc hội} = [0.536 * 8.0^{-1} + 0.464 * 92.0^{-1}]^{-1} = 13.88$
- ▶ EDEP ban đầu được chỉ số hóa theo giá trị lí tưởng là 50%.
- ▶ Chỉ số EDEP đại diện trong quốc hội $= 13.88 / 50 = 0.278$

❖ 2. Tính EDEP về tham gia kinh tế

Chỉ tiêu	Phụ nữ	Nam giới
Tỷ trọng dân số	0.536	0.464
Tỉ lệ phần trăm nắm giữ chức vụ lập pháp, cán bộ cao cấp và quản lý	39.0	61.0
Tỉ lệ phần trăm nắm giữ chức vụ chuyên môn kỹ thuật	64.7	35.3

- ▶ Tính được EDEP chức vụ nhà lập pháp, cán bộ cao cấp và quản lý = 46.85
- ▶ Chỉ số EDEP chức vụ nhà lập pháp, cán bộ cao cấp và quản lý = $46.85/50 = 0.937$
- ▶ EDEP chức vụ chuyên môn kỹ thuật = 46.67
- ▶ Chỉ số EDEP chức vụ chuyên môn kỹ thuật = $46.67/50 = 0.933$
- ▶ Lấy trung bình 2 chỉ số này để được EDEP tham gia kinh tế = $(0.937 + 0.933) / 2 = 0.935$

❖ 3. Tính EDEP về thu nhập

- ▶ Thu nhập kiểm được (PPP USD) ước tính riêng cho phụ nữ và nam giới rồi sau đó tính chỉ số theo các mức bậc thang như cách tính GDI. Tuy nhiên, đối với GEM, chỉ số thu nhập dựa vào giá trị không điều chỉnh chứ không phải vào lôgarít của thu nhập kiểm được ước tính.
- ▶ Biết thu nhập kiểm được ước tính (PPP USD) của nữ và nam lần lượt là: 8476 và 13581
- ▶ Chỉ số thu nhập của nữ = $(8476-100) / (40000 -100) = 0.210$
- ▶ Chỉ số thu nhập của nam = $(13581 - 100) / (40000 - 100) = 0.338$
- ▶ Chỉ số thu nhập phân bổ đồng đều
- ▶ EDEP thu nhập = 0.255

❖ 4. Tính GEM

▶ Lấy trung bình cộng 3 chỉ số EDEP ở trên

▶ $GEM = (0.275 + 0.935 + 0.255) / 3 = 0.489$

❖ Các kết luận đưa ra:

▶ GEM càng cao, vị thế của giới càng công bằng trong việc sử dụng các cơ hội phát triển.

▶ So sánh GEM với GDI để đánh giá mức độ trang bị và sử dụng nam và nữ.

▶ + GEM cao, GDI thấp: Không trang bị đầy đủ năng lực nhưng lại sử dụng (bệnh cơ cấu)

▶ + GEM thấp, GDI cao: Có trang bị kiến thức cho con người nhưng lại không sử dụng.

▶ Có thể tính GDI và GEM cho các địa phương, các vùng và các nhóm dân cư khác nhau

Bảng so sánh GEM và GDI của một số nước năm 2004

Tên nước	GDI		GEM	
	<u>Giá trị</u>	<u>Xếp hạng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Xếp hạng</u>
Singapore	<u>0.884</u>	<u>28/175</u>	<u>0.594</u>	<u>26/175</u>
Malaysia	<u>0.790</u>	<u>58/175</u>	<u>0.503</u>	<u>45/175</u>
Philippines	<u>0.751</u>	<u>85/175</u>	<u>0.539</u>	<u>35/175</u>
Thái Lan	<u>0.768</u>	<u>74/175</u>	<u>0.457</u>	<u>55/175</u>
Việt Nam (2007)	<u>0.732</u>	<u>89/175</u>	<u>0.556</u>	<u>41/175</u>

Nguồn: Tư liệu kinh tế các nước thành viên Asean

Ý nghĩa chỉ số đo lường vị thế giới

- ❖ Chỉ số đo lường vị thế giới xem xét phụ nữ và nam giới có thể tham gia tích cực như thế nào vào đời sống kinh tế chính trị và quá trình ra quyết định
- ❖ GEM mới chỉ tập trung vào các biến số cơ bản là:
 - ▶ *Khả năng kiếm sống về kinh tế*: Phản ánh sự tham gia về kinh tế và ra quyết định kinh tế
 - ▶ *Sự chia sẻ những công việc* (mang tính chất chuyên môn và tính chất quản lý), chia sẻ các vị trí trong quốc hội: phản ánh sự tham gia vào chính trị và quá trình ra quyết định về chính trị

IV. Các tiêu chí đánh giá bình đẳng giới của các tác giả quốc tế phân theo lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội

1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế

- ▶ *Nguồn: Bình đẳng giới trong giáo dục, việc làm và sở hữu doanh nghiệp: Báo cáo tổng kết tại cuộc họp Ban quản trị Hội đồng các nước OECD tại Paris, ngày 23-24/5/2012.*
- Government offices of Sweden, gender equality in the labour market and business sector.
- **ITUC**, Gender (in)equality in the labour market: an overview of global trends and developments.
- **Lilja Mósessdóttir, Evaluating Gender Equality in the Icelandic Labour Market, 2001.**

Tiêu chí đánh giá:

- ✓ Tỷ lệ phụ nữ tham gia thị trường lao động.
- ✓ Tỷ lệ phụ nữ nắm giữ vai trò lãnh đạo, quản lý.
- ✓ Khác biệt về thời gian lao động.
- ✓ Khác biệt về tiền lương.
- ✓ Tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp

2. Bình đẳng giới trong giáo dục

- ▶ **Nguồn:** UNESCO-IIEP, **Gender Equality in Education: Looking beyond Parity** An IIEP Evidence-Based Policy Forum, Paris, France, 3-4 October 2011.

OECD, gender equality in education, employment and entrepreneurship: Final Report to the MCM 2012, 23-24 May 2012.

Mari-Anne Okkolin University of Jyväskylä, Educational Agency – Conceptualising the Assessment and Evaluation of Gender Equality and Education.

- ***Bình đẳng giới trong học tập và giảng dạy (ở trường học)***
 - ***Tỷ lệ tuyển sinh các cấp***
 - ***Tỷ lệ phần trăm phụ nữ là giáo viên và lãnh đạo trường.***
 - ***Phân biệt giới trong lựa chọn ngành học, môn học.***
- ***Bình đẳng giới trong quản lý ngành giáo dục (các cấp quản lý giáo dục, cấp bộ giáo dục.***
 - ***Vị thế của phụ nữ trong việc tham gia ra quyết định.***
 - ***Các rào cản và cơ hội thăng tiến của phụ nữ đối với các vị trí lãnh đạo trong ngành giáo dục.***

Bình đẳng giới trong quyền năng chính trị, vị thế giới

Nguồn: **USAID, gender equality and female empowerment policy, march 2012.**

Chỉ số GEI, GEM.

OECD, gender equality in education, employment and entrepreneurship: Final Report to the MCM 2012, 23-24 may 2012.

Government offices of Sweeden, gender equaity in the labour market and business sector.

- Tỷ lệ phần trăm phụ nữ trong Quốc hội.
- Tỷ lệ phần trăm nắm giữ các vị trí lãnh đạo chuyên môn.
- Tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp.
- Quyền quyết định của phụ nữ.

Bình đẳng giới trong gia đình

- ▶ Bình đẳng trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.
- ▶ Bình đẳng trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.
- ▶ Trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình và chăm sóc con cái.
- ▶ Không phân biệt đối xử đối với con trai, con gái trong gia đình.

Tham khảo : Điều 18 Luật Bình đẳng giới 2006 của Việt Nam.